TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 130/2019/KDTM - PT
Ngày: 29/10/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Phạm Tuấn An – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Trong các ngày 28/10 và 29/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 122/2019/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2019/QĐ - PT ngày 07 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 424 ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH GP

Trụ sở: Số 2 Tự Do 1, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Ngọc P - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thùy L – Nhân viên (Theo giấy ủy quyền số 110919/2019 ngày 11/9/2019).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc D , Luật sư của Công ty Luật TNHH D, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty Cổ phần XD

Trụ sở: Số 59 phố Q, phường N, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng M - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị P - Cán bộ (Giấy ủy quyền ngày 14/10/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XD). (*Có mặt tại phiên tòa).*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Công T - Giám đốc Chi nhánh 107 Công ty Cổ phần XD . (*Vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và các lời khai tại Tòa, đại diện Công ty TNHH GP - bà** Nguyễn Thùy L **trình bày:**

Ngày 18/6/2015, Công ty TNHH GP (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Chi nhánh 107 – Công ty Cổ phần XD (sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký Hợp đồng kinh tế số 2806 – 15/GPD/AF về việc cung cấp và thi công sản phẩm Ashford Formula (sản phẩm phụ gia bảo vệ và hoàn thiện mặt sàn bê tông). Nội dung hợp đồng:

- Nguyên đơn chịu trách nhiệm mua sản phẩm Ashford Formula từ đại lý chính thức phân phối sản phẩm Ashford Formula tại thị trường Việt Nam cho Chi nhánh 107 – Công ty Cổ phần XD . Nguyên đơn thực hiện việc xử lý sản phẩm Ashford Formula theo quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất Cure Crete Distribution Inc, Hoa Kỳ và chịu trách nhiệm về chất lượng và kỹ thuật thi công sản phẩm này. Tổng giá trị hợp đồng là 1.521.905.000 đồng, giá trị này có thể thay đổi tùy theo diện tích thực tế đã thi công và hoàn tất công trình, trị giá dư (hay hụt) sẽ được quyết toán nghiệm thu sau. Việc thanh toán được thỏa thuận chia làm 3 đợt cụ thể:

* Đợt 1: Bên A (Chi nhánh 107 - Công ty Cổ phần XD) thanh toán trước cho bên B (Công ty TNHH GP) 30% giá trị hợp đồng tương đương 456.571.500 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng. Thời hạn thanh toán 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và trước khi thi công.

* Đợt 2: Sau mỗi lần bên B thi công được 5.000 m^2 thì bên A sẽ thanh toán tiếp cho bên B 70% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn thanh toán: trong vòng 5 ngày kể từ khi bên A ký xác nhận thi công.

* Đợt 3: Bên A thanh toán đến 100% giá trị quyết toán cho bên B sau khi bên B đã hoàn tất thi công và bên B phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành có điều kiện 5% của ngân hàng trong vòng 12 tháng, hóa đơn tài chính VAT cho bên A, biên bản nghiệm thu bàn giao. Thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp sản phẩm Ashford Formula, thực hiện việc xử lý sản phẩm theo quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất Cure Crete Distribution Inc, Hoa Kỳ và chịu trách nhiệm về chất lượng và kỹ thuật thi công sản phẩm này theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng. Nguyên đơn đã xuất tổng cộng 03 hóa đơn cho bị đơn, với tổng số tiền là: 1.468.835.720 đồng.

Sau đó, Chi nhánh 107 - Công ty Cổ phần XD đã thanh toán bằng chuyển khoản cho nguyên đơn là: 1.062.253.500 đồng.

Ngày 14/07/2016, hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng, theo đó hai bên đã xác nhận giá trị quyết toán hợp đồng là 1.468.835.720 đồng. Tính đến ngày 14/7/2016, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 1.062.253.500 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán nốt số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 406.582.220 đồng.

Ngày 10/7/2017, hai bên ký lại biên bản đối chiếu công nợ xác nhận lại giá trị quyết toán công trình thực hiện là: 1.418.835.720 đồng, giá trị bên A (bị đơn) đã thanh toán là 1.062.253.500 đồng. Giá trị còn lại bị đơn phải thanh toán là 356.582.220 đồng là do Chi nhánh 107 - Công ty Cổ phần XD có thỏa thuận sẽ thanh toán hết số tiền nợ gốc cho nguyên đơn trong vòng 10 ngày kể từ ngày 07/7/2017 thì nguyên đơn sẽ giảm số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, sẽ được khấu trừ vào giá trị quyết toán công trình thực hiện từ 1.468.835.720 đồng còn 1.418.835.72 đồng. Vì vậy, nguyên đơn mới xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/7/2017.

- Việc thỏa thuận giảm 50.000.000 đồng tiền nợ gốc được khấu trừ vào giá trị quyết toán công trình thực hiện chỉ được hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản giấy tờ xác nhận.

Ngày 11/11/2017, nguyên đơn có Công văn số 1111-17/CV/GPD - CN107 gửi Công ty Cổ phần XD và Chi nhánh 107 - Công ty Cổ phần XD đề nghị thanh toán số tiền 356.582.220 đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và đã nêu rõ nếu bị đơn thanh toán đủ số tiền trên thì nguyên đơn mới trừ 50.000.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn nhắc nợ yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền nợ trên nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Ngày 10/8/2018, nguyên đơn đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và phạt vi phạm hợp đồng tính đến ngày 01/5/2018 bao gồm: Nợ gốc 406.582.220 đồng; tiền phạt tạm tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 01/5/2018 là 1.971.923.767 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận H , ngày 06/9/2018, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 356.582.220 đồng. Như vậy, tính đến ngày 20/5/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn: Nợ gốc: 50.000.000 đồng.

- Về số tiền phạt vi phạm hợp đồng: Căn cứ theo khoản 4.1.1 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 2806-15/GPD/AF ngày 18/6/2015 có quy định: mọi trường hợp thanh toán chậm trễ sẽ bị phạt 1% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chịu số tiền phạt do chậm thanh toán trên số tiền nợ còn lại là 406.582.220 đồng; thời gian chậm thanh toán tính từ ngày ký biên bản xác nhận công nợ - ngày 31/12/2016 (căn cứ vào thư xác nhận cho mục đích kiểm toán ngày 15/03/2017 của bị đơn gửi cho nguyên đơn), cụ thể:

- Từ ngày 31/12/2016 đến ngày 05/09/2018, số tiền phạt là: 406.582.220 đồng x 1% x 612 ngày = 2.488.283.186 đồng.

- Từ ngày 06/9/2018 đến 20/5/2019, số tiền phạt là: 50.000.000 đồng x 1% x 255 ngày = 127.500.000 đồng.

Tổng số tiền phạt vi phạm hợp đồng tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 20/05/2019: 2.488.283.186 + 127.500.000 = 2.615.783.186 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và số tiền phạt vi phạm hợp đồng tính đến ngày 20/5/2019, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 2.665.783.186 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gì khác.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty CP XD và ông** Nguyễn Công T **- Giám đốc chi nhánh 107 - Công ty Cổ phần XD – là người làm chứng cùng thống nhất trình bày:**

Xác nhận việc ký kết, thực hiện và thanh quyết toán hợp đồng kinh tế số 2806-15/GPD/AF giữa nguyên đơn và bị đơn như nguyên đơn trình bày như trên là đúng. Hai bên tham gia ký kết hợp đồng gồm có ông Đoàn Ngọc P là giám đốc Công ty nguyên đơn và ông Nguyễn Công T là đại diện bị đơn ký với tư cách là Giám đốc chi nhánh 107 của Công ty cổ phần XD . Mặc dù, ông Tuyên không có ủy quyền của đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Xuân Lân, nhưng Công ty và Tổng giám đốc đều biết việc ký kết hợp đồng trên và có báo cáo với công ty. Vì vậy, hợp đồng kinh tế trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn, Chi nhánh 107 đều báo cáo với Ban lãnh đạo Công ty CP XD và thông qua Kế toán trưởng Công ty.

Ngày 14/3/2016, giữa hai công ty đã có biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện công trình nhà máy Bridgestone giai đoạn 3.4 có ông Nguyễn Công T - Giám đốc chi nhánh 107 - Công ty CP XD và ông Đoàn Ngọc P - Giám đốc Công ty TNHH GP .

Ngày 14/7/2016, giữa hai công ty có lập biên bản thanh lý hợp đồng, trong đó, hai bên cùng thống nhất ký thanh lý Hợp đồng nêu trên xác nhận nguyên đơn đã thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng. Về giá trị quyết toán, trong đó xác nhận bị đơn đã thanh toán 1.062.253.500 đồng, giá trị còn lại bị đơn phải thanh toán nguyên đơn là 408.582.220 đồng. Sau đó, giữa hai công ty đã lập biên bản nghiệm thu bàn giao, trong đó xác định nguyên đơn đã hoàn thiện hạng mục công trình với diện tích phủ phụ gia Ashford Formula để bảo vệ bề mặt sàn bê tông là 20.264 m^2. Bị đơn đã đồng ý bàn giao và đưa vào sử dụng công trình trên.

Về biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/7/2017, được lập giữa hai bên công ty là do từ khi lập biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế, phía bị đơn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên bị đơn chưa có khả năng thanh toán số tiền còn thiếu là 406.582.220 đồng. Vì vậy, hai công ty đã có buổi làm việc với nhau về việc thanh toán số tiền nợ còn thiếu trên. Bị đơn có xin thỏa thuận sẽ thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày 07/7/2017 và nguyên đơn sẽ giảm cho bị đơn số tiền là 50.000.000 đồng. Vì vậy, bị đơn đã lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/7/2017 xác nhận số tiền nợ gốc mà bị đơn còn phải thanh toán là 356.582.220 đồng.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ là 406.582.220 đồng. Bị đơn cũng đồng ý và xác nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn như trên là đúng như bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 06/9/2018, bị đơn đã thanh toán một phần số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 356.582.220 đồng. Đến nay, bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Về số tiền phạt vi phạm hợp đồng theo khoản 4.1.1 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 2806-15/GPD/AF ngày 18/06/2015 có quy định mọi trường hợp thanh toán chậm trễ sẽ bị phạt 1% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ được tính từ ngày 31/12/2016 xét xử sơ thẩm ngày 21/6/2019 là 1%/ngày trên số tiền nợ gốc 406.582.220 đồng. Bị đơn cho rằng mức phạt trên là quá cao, không đúng theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Thương mại. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Điều 300, Điều 301 Luật thương mại về trường hợp phạt vi phạm hợp đồng vì bản chất việc ký kết hợp đồng trên là hợp đồng kinh tế. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

Đối với số tiền bị đơn còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ trên số tiền còn nợ theo quy định pháp luật. Bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng. Còn số tiền phạt vi phạm hợp đồng trên là 2.631.783.000 đồng thì bị đơn không đồng ý. Thỏa thuận trên của hai bên là trái với quy định của pháp luật vì mức phạt vi phạm được tính trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm chứ không phải trên tổng giá trị hợp đồng. Vì vậy, bị đơn chỉ đồng ý mức phạt vi phạm được quy định tại Điều 301 Luật thương mại 2005 là không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Cụ thể: 8%x406.582.220= 32.526.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM - ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH GP đối với Công ty cổ phần XD về việc Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

2. Buộc Công ty cổ phần XD phải thanh toán trả Công ty TNHH GP số tiền nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (21/06/2019) là: Nợ gốc: 50.000.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán là: 32.526.577 đồng. Tổng cộng là: 82.526.577 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24/6/2019, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03 ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận H với lý do: bản án đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên lời khai và ý kiến tại cấp sơ thẩm.

Luật sư Võ Ngọc D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm: Cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đúng, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng xây dựng nhưng lại áp dụng Luật thương mại để giải quyết và áp dụng mức phạt là 8% trên giá trị chậm thanh toán là chưa chính xác và không phù hợp với qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014 để yêu cầu bị đơn chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng cho nguyên đơn như đề

nghị của nguyên đơn ở cấp sơ thẩm mới chính xác. Còn nếu Tòa án áp dụng lãi suất ngân hàng đối với số tiền chậm thanh toán là không có căn cứ bởi lẽ các đương sự không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên Tòa án không thể áp dụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và sửa án sơ thẩm, chấp nhận lãi phạt vi phạm hợp đồng theo Điều 4 của Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: TAND quận H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng xây dựng là đúng qui định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng kinh tế, sau khi thực hiện xong nội dung công việc trong hợp đồng 2 bên đã chốt công nợ, thanh lý hợp đồng và thanh toán được một phần công nợ. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm còn hơn 400 triệu đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 1%/1 ngày vi phạm đối với toàn bộ giá trị hợp đồng tương đương 360%/năm là không phù hợp qui định pháp luật. Cấp sơ thẩm không áp dụng luật Xây dựng giải quyết mà áp dụng Luật Thương mại và tính mức phạt 8% trên giá trị chậm thanh toán là chưa phù hợp qui định pháp luật. Trường hợp này các bên đã thanh lý hợp đồng, đã bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bị đơn chậm trả tiền phải xác định phạt đối với lãi chậm thanh toán và áp dụng Điều 43 Nghi 37 Hướng dẫn Luật Xây dựng mới chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu nguyên đơn cung cấp lãi suất quá hạn của Ngân hàng nơi nguyên đơn mở tài khoản tương ứng với thời gian chậm thanh toán nhưng nguyên đơn không cung cấp nên áp dụng mức lãi suất 9%/năm theo Quyết định 2868 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam là phù hợp. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là Công ty TNHH GP đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với toàn bộ bản án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng kinh tế số 2806 – 15/GPD/AF về việc Cung cấp và thi công sản phẩm Ashford Formula. Việc ký kết hợp đồng kinh tế trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận và khi phát sinh tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại số 59 Q , quận H , Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo hợp đồng kinh tế số 2806 – 15/GPD/AF ngày 18/06/2015 về việc Cung cấp và thi công sản phẩm Ashford Formula. Theo đó, Công ty TNHH GP cung cấp và thi công sản phẩm phụ gia bảo vệ và hoàn thiện mặt sàn bê tông xây dựng nhà máy Bridgestone (BTMV). Đây là một hạng mục xây dựng nằm trong tổng thể thiết kế và tổng mức đầu tư dự án xây dựng công trình xây dựng nhà máy Bridgestone (BTMV) giai đoạn 3.4, địa chỉ khu công nghiệp cảng Đình Vũ, thành phố Hải Phòng. Quá trình thi công, giám sát, nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng phải tuân thủ quy chuẩn của Luật về xây dựng. Vì vậy, đây là Tranh chấp Hợp đồng xây dựng và phải căn cứ vào Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn về Luật Xây dựng để giải quyết.

- Về chủ thể ký kết hợp đồng: Hợp đồng kinh tế số 2806 – 15/GPD/AF do ông Đoàn Ngọc P – Giám đốc Công ty TNHH GP là đại diện và ông Nguyễn Công T – Giám đốc Chi nhánh 107 – Công ty CPXD là đại diện ký. Mặc dù ông Nguyễn Công T – Giám đốc chi nhánh ký kết hợp đồng kinh tế không có ủy quyền của đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng bị đơn biết hợp đồng kinh tế đã được ký kết mà không phản đối việc ký kết đó. Mặt khác, quá trình ký kết, thanh lý hợp đồng và quá trình thanh toán một phần giá trị hợp đồng qua tài khoản của bị đơn, Giám đốc Chi nhánh 107 đều báo cáo với Công ty Cổ phần XD , hai bên không có ý kiến gì về việc ký kết và thực hiện hợp đồng. Thời điểm ký kết hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 mục I Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hợp đồng nêu trên ký kết giữa hai bên là hợp pháp và không bị coi là vô hiệu do bị đơn đã biết và chấp nhận nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng kinh tế số 2806 – 15/GPD/AF ký kết giữa Chi nhánh 107 - Công ty Xây dựng số 4 và nguyên đơn.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc của nguyên đơn.

Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thì: Hai bên đã xác nhận khối lượng và giá trị công việc mà nguyên đơn đã hoàn thành là 1.468.835.720 đồng. Bị đơn đã thực hiện việc thanh toán một phần tiền là 1.062.253.500 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán là 406.582.220 đồng. Các bên đã ký xác nhận biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện ngày 04/3/2016, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 14/7/2016 và đưa vào sử dụng công trình trên. Ngày 06/9/2018, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn một phần số tiền nợ gốc là 356.582.220 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc nêu trên là có căn

cứ và phù hợp với qui định của pháp luật.

- Về yêu cầu đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán trên số tiền còn nợ là 406.582.220 đồng tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 21/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 2.631.783.186 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi ký hợp đồng kinh tế số 2806-15/GPD/AF ngày 18/6/2015, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện xong nội dung công việc mà 2 bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo đó, ngày 14/3/2016, nguyên đơn và bị đơn đã có biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện công trình nhà máy Bridgestone giai đoạn 3.4 giữa bên Chi nhánh 107 - Công ty CP XD gồm có ông Nguyễn Công T - Giám đốc chi nhánh 107 - Công ty CP XD và ông Đoàn Ngọc P - giám đốc Công ty TNHH GP .

Ngày 14/7/2016, nguyên đơn và bị đơn có lập biên bản thanh lý hợp đồng, theo đó, hai bên cùng thống nhất ký thanh lý Hợp đồng nêu trên xác nhận nguyên đơn đã thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng. Về giá trị quyết toán, trong đó xác nhận bị đơn đã thanh toán 1.062.253.500 đồng, giá trị còn lại bị đơn phải thanh toán nguyên đơn là 408.582.220 đồng. Sau đó, giữa hai công ty đã lập biên bản nghiệm thu bàn giao, trong đó xác định nguyên đơn đã hoàn thiện hạng mục công trình với diện tích phủ phụ gia Ashford Formula để bảo vệ bề mặt sàn bê tông là 20.264 m^2. Bị đơn đã đồng ý bàn giao và đưa vào sử dụng công trình trên.

Như vậy, hợp đồng đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, bị đơn xác nhận nguyên đơn đã thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng, hai bên đã ký thanh lý hợp đồng và xác nhận giá trị quyết toán và đã bàn giao công trình và đưa vào sử dụng, không còn trong giai đoạn thi công nữa nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn.

Việc bị đơn vi chậm thanh toán tiền theo khoản 4.1.1 Điều 4 của Hợp đồng là vi phạm hợp đồng xây dựng về nghĩa vụ chậm thanh toán. Căn cứ Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ - Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng:

"1. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thực hiện theo quy định từ Khoản 3 đến Khoản 7 Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, các quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác".

Tại cấp phúc thẩm, ngày 08/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã

ban hành Thông báo số 490/TB-CCCC về việc thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ. Theo đó, Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: Văn bản qui định về lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi nguyên đơn mở tài khoản thanh toán công bố, tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán của bị đơn. Ngày 14/10/2019, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có văn bản gửi Tòa án nêu quan điểm: yêu cầu này của Tòa án không liên quan đến nội dung kháng cáo và nguyên đơn không có nghĩa vụ phải cung cấp tài liệu, chứng cứ trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi Hội đồng xét xử quay lại phần hỏi, nguyên đơn vẫn khẳng định và giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán mà vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 4.1.1 của Hợp đồng số 2806 ngày 18/6/2015.

Như vậy, việc nguyên đơn không cung cấp cho Hội đồng xét xử địa chỉ ngân hàng thương mại nơi nguyên đơn mở tài khoản cũng như văn bản qui định về lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi nguyên đơn mở tài khoản thanh toán công bố, tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán của bị đơn và không có yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả nguyên đơn lãi chậm thanh toán mà chỉ yêu cầu bị đơn trả nguyên đơn lãi phạt vi phạm hợp đồng nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử tính lãi chậm thanh toán theo Khoản 2 Điều 43 của Nghị định 37. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện đối với lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn đối với bị đơn bằng một vụ kiện dân sự khác (nếu có yêu cầu).

Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 để quyết định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và tính với mức lãi suất 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là áp dụng pháp luật chưa chính xác. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3]. Về án phí:

- Theo hợp đồng kinh tế số 2806-15/GPD/AF ngày 18/6/2015, bị đơn chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 50.000.000 (nợ gốc) đồng cho nguyên đơn.Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 2.681.783.186 đồng chỉ được chấp nhận một phần. Do vậy, nguyên đơn phải chịu số tiền án phí là 85.635.663 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 39.785.059 đồng và 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự quận H , còn phải nộp 43.850.604 đồng. Không phải chịu án phí phúc thẩm do sửa án sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tó tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM - ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận H , thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 146 Luật xây dựng năm 2014; Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ - Qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH GP .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH GP đối với Công ty Cổ phần XD về việc Tranh chấp Hợp đồng xây dựng.

3. Buộc Công ty cổ phần XD phải thanh toán trả Công ty TNHH GP số tiền nợ gốc đến ngày xét xử sơ thẩm (21/06/2019) là: 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không hết số tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền còn phải thi hành án.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần XD phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH GP phải chịu 85.635.663 đồng án phí sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 39.785.059 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004140 ngày 09/08/2018 và 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2559 ngày 04/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự quận H , thành phố Hà Nội, còn phải nộp 43.850.604 đồng. Công ty TNHH GP không phải chịu án phí phúc thẩm do sửa án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 29/10/2019.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H ;
- Chi cục THADS quận Hai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa